
NGHIÊN CỨU

Suy ngẫm về định hướng tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong tương lai

Lê Văn Cẩm*

Khoa Luật, ĐHQGHN, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 15 tháng 3 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 30 tháng 4 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 5 năm 2016

Tóm tắt: Bài viết bàn về những nội dung liên quan đến định hướng tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong tương lai như: Khái niệm và nội hàm của định hướng tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong tương lai; những nguyên tắc và cơ sở khoa học-thực tiễn của định hướng tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong tương lai; Lịch sử khoa học về mô hình lập pháp của những kiến giải lập pháp cụ thể theo định hướng tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong tương lai; và vấn đề tiếp thu, lĩnh hội của nhà làm luật đối với những kiến giải lập pháp cụ thể trong các công trình khoa học của tác giả.

Từ khóa: Bộ luật hình sự 2015, hoàn thiện pháp luật hình sự.

1. Khái niệm và nội hàm của định hướng tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong tương lai

1.1. *Cách tiếp cận vấn đề.* Chính vì do pháp luật hình sự (PLHS) quốc gia mới được pháp điển hóa lần thứ ba với việc thông qua BLHS năm 2015 nên trong giai đoạn đương đại khi đề cập đến 2 từ "*hoàn thiện*" dưới góc độ nghiên cứu của khoa học luật hình sự, chúng tôi cho rằng cần phải sử dụng thuật ngữ sao cho bảo đảm được sự *chính xác về mặt khoa học* — không phải chỉ có 2 từ "*hoàn thiện*" đơn giản như trước đây (khi PLHS chưa thông qua BLHS năm 2015) nữa, mà phải đầy đủ hơn là

"*định hướng tiếp tục hoàn thiện trong tương lai*". Có nghĩa là: 1) Đối tượng của các công trình nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực luật hình sự mà ở các mức độ khác nhau có liên quan đến nhất thiết không phải và không thể là để nhằm hoàn thiện PLHS nước nhà *ngay tức khắc trong 1 vài năm tới* (vì BLHS năm 2015 vừa mới thông qua nên rõ ràng là về *mặt thực tiễn* chưa thể kiểm nghiệm được một cách chính xác sự *bất cập* hay *khả thi* của các quy phạm mới nào đó) mà; 2) Việc nghiên cứu đó hiện nay trước hết là *nhiệm vụ thường xuyên* của bất kỳ một nhà khoa học-luật gia hình sự học nào có sự say mê hứng thú nhất định đối với một hoặc nhiều lĩnh vực tương ứng nào đấy trong khoa học luật hình sự; 3) Việc nghiên cứu hiện nay nếu như có đề cập đến khía cạnh hoàn thiện PLHS *chỉ là để đưa ra một mô hình lập pháp*

*ĐT.: 84-4-37547786

Email: levancam54@gmail.com

(MHLP) của các kiến giải lập pháp (KGLP) cụ thể cho định hướng tiếp tục hoàn thiện PLHS trong tương lai; 4) Phạm trù "tương lai" trong bài này là một thuật ngữ không mang tính xác định vì nó có thể được hiểu là sau khoảng 3, 5, hay 10 năm nữa tùy thuộc vào nhiều vấn đề khác nhau (Ví dụ: Nếu Quốc hội đề nghị tạm dừng lại để chỉnh sửa mà chưa thi hành một số quy định nào đó của BLHS năm 2015 thì lại là câu chuyện khác) và; v.v....

1.2. Khái niệm định hướng tiếp tục hoàn thiện PLHS Việt Nam trong tương lai. Như vậy, trên cơ sở cách tiếp cận vấn đề đã được phân tích trên đây chúng ta có thể đưa ra định nghĩa khoa học (ĐNKH) của khái niệm đang nghiên cứu với tư cách là một phạm trù khoa học luật hình sự như sau: *Định hướng tiếp tục hoàn thiện PLHS Việt Nam trong tương lai là việc xác định phương hướng nghiên cứu vấn đề mà căn cứ vào đó người nghiên cứu có thể đưa ra được những nguyên tắc và những cơ sở khoa học-thực tiễn đáp ứng được các quy luật khách quan đang tồn tại và sẽ phát triển nhằm sửa đổi-bổ sung (SĐBS) các quy phạm PLHS tương ứng dưới hình thức MHLP của các KGLP cụ thể phù hợp với một văn bản PLHS quốc gia nhất định để góp phần làm sáng tỏ về mặt khoa học hoạt động lập pháp hình sự (LPHS) nước nhà.*

1.3. Nội hàm của định hướng tiếp tục hoàn thiện PLHS Việt Nam trong tương lai. Từ khái niệm khoa học của phạm "định hướng tiếp tục hoàn thiện PLHS Việt Nam trong tương lai" cho thấy, nội hàm của nó gồm có năm (05) đặc điểm cơ bản như sau: 1) Trước hết, đó là việc xác định phương hướng nghiên cứu vấn đề tương ứng trong hoạt động LPHS; 2) Căn cứ vào việc xác định đó có thể đưa ra được những nguyên tắc của và những cơ sở khoa học-thực tiễn của việc tiếp tục hoàn thiện PLHS Việt Nam trong tương lai; 3) Chúng (những nguyên tắc và những cơ sở khoa học-thực tiễn ấy) phải đáp ứng được các quy luật khách quan đang tồn tại và sẽ phát triển trong tương lai; 4) Chúng (những nguyên tắc và những cơ sở khoa học-thực tiễn ấy) nhằm SĐBS để hoàn thiện trong tương lai các quy phạm PLHS tương ứng dưới hình thức MHLP với những KGLP cụ thể; 5)

MHLP với những KGLP cụ thể đó phù hợp với một văn bản PLHS quốc gia nhất định để góp phần làm sáng tỏ về mặt khoa học hoạt động LPHS nước nhà.

2. Những nguyên tắc của định hướng tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong tương lai

2.1. Khái niệm và các đặc điểm chính của (một) nguyên tắc của định hướng tiếp tục hoàn thiện PLHS Việt Nam trong tương lai. Xuất phát từ sự phân tích trên đây, có thể đưa ra ĐNKH của khái niệm (một) nguyên tắc của định hướng tiếp tục hoàn thiện PLHS Việt Nam trong tương lai là tư tưởng chủ đạo và là định hướng cơ bản trong việc SĐBS các quy phạm và các chế định PLHS mà thông qua đó cho thấy hiệu quả của việc bảo vệ các quyền (BVQC) và tự do của con người và của công dân, các lợi ích của xã hội và của Nhà nước tránh khỏi sự xâm hại của tội phạm nói riêng, cũng như của việc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm nói chung, đồng thời phản ánh ở một mức độ nhất định các quy luật phát triển khách quan góp phần bảo đảm cho thắng lợi cuối cùng của công cuộc cải cách tư pháp (CCTP) và sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền (NNPQ) Việt Nam trong giai đoạn đương đại. Như vậy, từ khái niệm khoa học này cho thấy, nội hàm của bất kỳ một nguyên tắc nào của định hướng tiếp tục hoàn thiện PLHS Việt Nam trong tương lai đều có những dấu hiệu chủ yếu thể hiện trên các khía cạnh (bình diện) chính sau đây:

2.1.1. Trước hết, về mặt lập pháp, nguyên tắc đó phải là tư tưởng chủ đạo và là định hướng cơ bản trong việc SĐBS các quy phạm và các chế định PLHS quốc gia.

2.1.2. Về mặt lý luận, nguyên tắc đó phải phù hợp với các luận điểm tiên bộ và dân chủ, cũng như các giá trị truyền thống tốt đẹp và nhân văn của của khoa học luật hình sự nước nhà.

2.1.3. Về mặt thực tiễn, thông qua nguyên tắc đó phải cho thấy hiệu quả của việc BVQC và tự do của con người và của công dân, các lợi

ích của xã hội và của Nhà nước tránh khỏi sự xâm hại của tội phạm nói riêng, cũng cho thấy hiệu quả của việc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm nói chung.

2.1.4. Về mặt chính trị-xã hội, thông qua nguyên tắc đó phản ánh ở một mức độ nhất định các quy luật phát triển khách quan góp phần bảo đảm cho thắng lợi cuối cùng của công cuộc CCTP và sự nghiệp xây dựng NNPQ Việt Nam đích thực của dân, do dân và vì dân trong giai đoạn đương đại.

2.1.5. Và cuối cùng, về mặt quốc tế, nguyên tắc đó phải không được trái với các nguyên tắc và các quy phạm PLHS được thừa nhận chung của khoa học luật hình sự quốc tế.

2.2. Hệ thống những nguyên tắc cơ bản của định hướng tiếp tục hoàn thiện PLHS quốc gia trong tương lai. Trước hết, cần khẳng định rằng với các phương pháp tiếp cận khác nhau có thể sẽ có rất nhiều nguyên tắc của định hướng tiếp tục hoàn thiện PLHS Việt Nam trong tương lai. Tuy nhiên, ở đây chỉ đề cập đến những nguyên tắc nào mà theo quan điểm của chúng tôi là *chủ yếu và quan trọng hơn cả* dưới khía cạnh khoa học luật hình sự và chính vì vậy, có thể xác định 5 nguyên tắc cơ bản mà định hướng tiếp tục hoàn thiện PLHS Việt Nam trong tương lai cần dựa vào là: 1) Phải phù hợp với thông lệ quốc tế và phải cân nhắc các giá trị PLHS truyền thống tốt của dân tộc để sao cho phù hợp với các nguyên tắc và các quy phạm được thừa nhận chung của PLHS quốc tế; 2) Phải vì lợi ích chung của nhân dân nhằm bảo vệ một cách vững chắc các quyền và tự do của con người và của công dân (tức là phải thể hiện cao nhất và đầy đủ nhất ý chí và nguyện vọng của nhân dân chứ không phải vì lợi ích cá nhân của 1 hay một vài nhóm người có thế lực nào); 3) Phải toàn diện và khách quan — tức là phải dựa trên sự phân tích toàn diện và khách quan các quan hệ xã hội (QHXH) đang tồn tại (và sẽ phát triển trong tương lai) nhằm dự báo một cách chính xác và kịp thời để bảo đảm cho “sức sống” lâu dài và hiệu quả xã hội cao nhất của các quy phạm và các chế định PLHS sẽ được SĐBS (nhằm tránh xu hướng hời hợt-nông cạn trong việc đề xuất các quy định của BLHS nên vừa mới đưa in ra

được vài tuần hay vài tháng đã nhận thấy có sai sót và lại phải lập tức SĐBS ngay !); 4) Phải dựa trên sự kết hợp hài hòa các luận điểm tiên bộ của khoa học luật hình sự quốc gia với các thành tựu tiên tiến của khoa học luật hình sự trên thế giới; và 5) Pháp chế XHCN (nhằm loại trừ xu hướng gia đình chủ nghĩa và tùy tiện trong hoạt động lập pháp và áp dụng PLHS).

3. Những cơ sở khoa học-thực tiễn của định hướng tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong tương lai

3.1. Trước hết cần lưu ý rằng, như trên đã phân tích BLHS năm 2015 còn nhiều khiếm khuyết là bởi nhiều nguyên nhân mà 01 trong những nguyên nhân đó là do nó được thông qua trong *bối cảnh nóng vội bởi "tư duy nhiệm kỳ"* của lãnh đạo cơ quan có trách nhiệm soạn thảo Bộ luật ấy. Giá chúng ta *đừng có vội vàng mà hãy hết sức bình tĩnh* (trước khi thông qua sẽ giao Bộ luật ấy cho một nhóm các chuyên gia pháp lý có trình độ cao trong lĩnh vực TPHS thâm định đã), đồng thời *kiên nhẫn chờ đợi cho đến sau Đại hội lần thứ XII của Đảng* (để dựa vào các luận điểm mang tính chỉ đạo đã được ghi nhận trong Báo cáo Chính trị của BCHTW tại Đại hội XII) rồi hãy thông qua BLHS thì tốt biết bao (!). Vì nếu căn cứ vào 01 trong 12 *nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước* trong 5 năm tới (2016-2020) và đó là *nhiệm vụ tổng quát thứ 10* mà Báo cáo Chính trị của BCHTW tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng chỉ ra thì các luận điểm đó là: *"Tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa...; hoàn thiện hệ thống pháp luật..., tăng cường trách nhiệm, kỷ cương, kỷ luật; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tệ nạn xã hội và tội phạm"* [1]. Như vậy, từ những nguyên tắc cơ bản của *định hướng tiếp tục hoàn thiện PLHS Việt Nam trong tương lai* đã được xác định, đồng thời qua việc phân tích trên đây cho thấy, những cơ sở khoa học-thực tiễn của *định hướng tiếp tục hoàn thiện PLHS quốc gia Việt Nam trong tương lai* sẽ bao gồm những nội

dung nào (?). Xung quanh vấn đề này, giữa các nhà khoa học-luật gia và các cán bộ thực tiễn trong lĩnh vực TPHS của đất nước có thể có rất nhiều ý kiến khác nhau. Và chính sự đa dạng của các ý kiến ấy mới làm cho khoa học trở thành chân chính — khoa học mà trong đó chân lý không thể là sự độc đoán hoặc chuyên quyền của một cá nhân (hay nhóm người) riêng biệt có thế lực nào cả, mà chân lý nhất thiết chỉ có thể và phải là *kết quả của sự tranh luận nghiêm túc và quá trình lao động trí tuệ trung thực, tận tụy để phân tích và đưa ra các quan điểm khoa học được thừa nhận chung trên cơ sở các luận chứng có căn cứ xác đáng, khách quan và đảm bảo sức thuyết phục* đối với các đồng nghiệp của mình. Chẳng hạn, trong giới khoa học-trí thức Việt Nam đang tồn tại cách nhìn nhận cùng một vấn đề nhưng theo hai quan điểm hoàn toàn khác nhau, mâu thuẫn và trái ngược nhau thường gặp như sau:

3.1.1. Quan điểm thứ nhất — coi sứ mệnh cao cả và quan trọng nhất của khoa học chân chính (nói chung) là phải *góp phần dự báo đúng tương lai để soi đường cho thực tiễn*, tức là các nhà khoa học của đất nước (nhất là các nhà khoa học-luật gia) phải hiểu rõ cuộc sống hàng ngày của những người dân bình thường nhất để từ đó lý giải và “cho ra lò” các kết quả nghiên cứu khoa học có giá trị nhân văn cao hoặc các KGLP khả thi, phù hợp với thực tiễn và đáp ứng được kịp thời các quan hệ xã hội đang tồn tại, đồng thời hỗ trợ *tích cực và có hiệu quả cho hoạt động lập pháp, áp dụng pháp luật, cũng như hoạt động khoa học-đào tạo của đất nước*, phục vụ đắc lực cho công cuộc CCTP và sự nghiệp xây dựng NNQP của Tổ quốc và nhân dân. Đây là xu hướng được thừa nhận chung của đại đa số các nhà khoa học chân chính có lối sống liêm khiết và khảng khái, thanh cao và trong sạch, không biết xu nịnh và cơ hội, không háo danh và thực sự tận tụy với công việc. Chúng ta có thể nhìn thấy họ chính là các cán bộ thực tiễn có bản lĩnh của các cơ quan bảo vệ pháp luật (BVPL) và Tòa án, cũng như một số các cán bộ NCKH-giảng dạy có nhân cách — những người mà không một sự cám dỗ về vật chất hay sự vụ lợi nào có thể làm

cho sa ngã được. Người đại diện tiêu biểu nhất ở đây là nguyên cố Chánh án TANDTC nhiệm kỳ 1997-2002, nguyên cố thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa Luật trực thuộc ĐHQGHN nhiệm kỳ 2003-2008, người anh Cả mà giới luật học nói chung, giới tư pháp hình sự (TPHS) nói riêng của nước ta đều rất biết rõ và rất quý trọng vì sự liêm khiết trong suốt gần 40 năm làm việc trong ngành Tòa án (1963-2002) — Anh là TS. Trịnh Hồng Dương.

3.1.2. Quan điểm thứ hai trái ngược với quan điểm trên đây — coi khoa học chỉ là “bức bình phong”, một thứ “trang điểm cho cuộc sống” để giải quyết “khâu oai”, “khoe mẽ” với mọi người hoặc để giao tiếp với các đồng nghiệp nước ngoài nhằm tìm kiếm các dự án để có thật nhiều USD nên vì vậy, họ cũng có “bằng nọ cấp kia” như ai (mặc dù đó chỉ là thứ bằng cấp “rơm” (không thực chất) — do các kết quả nghiên cứu khoa học hời hợt và nông cạn đem lại, vì sản phẩm khoa học của những người theo quan điểm này thường được xào xáo, chế biến, sao chép lại tư tưởng của các đồng nghiệp khác (nhưng vì gian dối- thiếu sự trung thực khoa học nên không trích dẫn đầy đủ các nguồn tài liệu đã sử dụng) và rồi sau đó, “cho ra lò” chủ yếu là dựa trên xu hướng lý thuyết suông của thứ “khoa học phòng giấy” ở một số nhà khoa học hoặc quan chức phi thực tiễn. Vì thực ra, các kết quả nghiên cứu khoa học do họ đưa ra không phù hợp với thực tiễn hoặc không phục vụ được gì cho thực tiễn. Ví dụ: Trong lĩnh vực lập pháp thì các kết quả nghiên cứu khoa học đó không hề được nhà làm luật ghi nhận hoặc không đem lại được lợi ích gì cho hoạt động lập pháp, áp dụng pháp luật hay cho hoạt động khoa học-đào tạo của đất nước. Thông thường, tác giả của các “công trình khoa học” kiểu như vậy sau khi đã có bằng cấp tương ứng rồi, thì không chịu nghiên cứu khoa học một cách nghiêm túc và tận tụy mà chỉ lo tìm kiếm địa vị, chức quyền bằng nhiều thủ đoạn khác nhau. Đây chính là điều bất cập rất lớn mà các cấp lãnh đạo có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước ta nên xem xét lại để giới khoa học-trí thức Việt Nam thực sự tâm phục, khẩu phục các vị có chức quyền ấy. Họ là ai vậy? Họ

chính là một số cán bộ có chức quyền của các cơ quan công quyền trong bộ máy Nhà nước đã và đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội phạm do vụ lợi hoặc các tội phạm về tham nhũng, cũng như nhiều cán bộ nghiên cứu khoa học-giảng dạy thiếu nhân cách mà giới khoa học-đào tạo (nói chung) và giới luật học (nói riêng) đều biết khá rõ “ai là ai” trong số đó — những người này về cơ bản có thể phân thành 02 loại sau:

1) Loại người *thứ nhất* — do chưa có được địa vị công tác, chức vụ hoặc chức danh nhất định (có thể vì nhiều nguyên nhân khác nhau như: trình độ chuyên môn yếu kém, không có năng lực, thiếu chịu khó đọc sách, lười nghiên cứu, không cần mẫn lao động khoa học một cách nghiêm túc, v.v....) để đạt được những tiêu chí tối thiểu cần và đủ cho việc bổ nhiệm (hoặc bầu) vào địa vị công tác hay chức vụ hoặc chức danh tương ứng. Và lẽ ra như vậy, thì: a) Nên yên phận với vị trí đang đảm nhiệm (nếu không có chí tiến thủ) hoặc là; b) Bằng con đường chân chính (như: chăm chỉ học tập, chịu khó nghiên cứu, cần mẫn lao động khoa học một cách nghiêm túc) để đạt được những tiêu chí tối thiểu đã nêu. Tuy nhiên, vì không thể tìm chế được máu “tham, sân và si” mà họ không từ bất kỳ thủ đoạn kinh tởm, bẩn thỉu và đê tiện nào đối với các đồng nghiệp để giành cho bằng được địa vị công tác, chức vụ hoặc chức danh tương ứng mà họ ngày đêm mong muốn có được. Và các thủ đoạn này có thể rất khác nhau như: a) Bằng kiểu to mồm quát tháo hoặc những lời lẽ tục tĩu vô văn hóa của “trí thức lưu manh” đưa “đại học Chợ” vào cơ quan với mục đích đánh lạc hướng dư luận, lẫn át sự thật khách quan, làm cho những người vốn an phận thủ thường (do khôn khéo né tránh để người khác đứng ra chịu tiếng “ác” hoặc không bao giờ thể hiện rõ chính kiến để đảm bảo sự an toàn cá nhân của mình) phải khiếp sợ vì không muốn dây vào “hủi”; b) Không chịu làm việc, ăn rồi chỉ lo viết các loại đơn từ, khiếu nại tố cáo (từ nặc danh đến chính danh) để gây rối loạn tình hình trong cơ quan, đơn vị, bịa đặt thông tin, vu khống, bôi nhọ danh dự những

người trung thực, thẳng thắn, có bản lĩnh dám vì sự thật, công lý và lợi ích chung của tập thể mà đứng ra đương đầu chịu tiếng “ác” để dây vào “hủi” mà vạch mặt, chỉ thẳng vào ý đồ xấu xa của họ; c) Đấu đá, gây mất đoàn kết nội bộ để tranh giành quyền lực hay sử dụng tiền bạc, của cải, vật chất để mua “bằng nọ, chức kia” hoặc để “giải quyết công việc” theo hướng có lợi cho họ; v.v....

2) Loại người *thứ hai* — nếu đã có địa vị công tác, bằng cấp, chức vụ hoặc chức danh nhất định trong ngành hoặc lĩnh vực công tác tương ứng nhất định nào đó như mong muốn rồi, nhưng vì “máu tham hễ thấy hơn tiền là mê” nên họ rất dễ bị sự cám dỗ về vật chất hay sự vụ lợi nào đó lôi kéo, làm cho sa ngã, suy đồi về đạo đức hoặc đánh mất hết cả lòng tự trọng, sự liêm sỉ tối thiểu cần phải có, hạ thấp cả tư cách nghề nghiệp cao quý đáng được xã hội trân trọng, thậm chí sẵn sàng bán rẻ cả danh dự, nhân phẩm của bản thân để miễn sao có được nhiều tiền mua sắm nhà cửa, tiện nghi, xe cộ, đồ dùng sang trọng, v.v... mà khoe khoang, sĩ diện với bè bạn, đồng nghiệp và thiên hạ.

3.2. Mặt khác, theo chúng tôi khi đưa ra những cơ sở khoa học-thực tiễn của *định hướng tiếp tục hoàn thiện* PLHS Việt Nam trong tương lai sẽ là không khách quan, không có căn cứ và không đảm bảo sức thuyết phục nếu như chúng ta không xuất phát từ các tiền đề đúng đắn có tính chất nền tảng như: 1) Thực tiễn xã hội Việt Nam (mà thực tiễn pháp lý là một bộ phận cấu thành); 2) Các điều kiện cụ thể về lịch sử, kinh tế, chính trị và văn hóa-xã hội, cũng như các giá trị pháp luật truyền thống của đất nước và; 3) Các giá trị pháp luật quốc tế hiện đại và những thành tựu tiên tiến của khoa học pháp lý (KHPL) trên thế giới. Vì chính *những cơ sở khoa học-thực tiễn khách quan, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục sẽ đóng vai trò quan trọng đối với nhà làm luật trong định hướng tiếp tục hoàn thiện* (hoặc để pháp điển hóa lần thứ tư) PLHS của đất nước — từ việc nghiên cứu tính hợp lý về thực tiễn (hay không) của các quy phạm PLHS, cũng như việc hình

thành các nguyên tắc, các chế định và các khái niệm cơ bản của luật hình sự trong *Phần chung*, cho đến việc xây dựng các CTTP cụ thể trong *Phần riêng* BLHS — quá trình tội phạm hóa hoặc phi tội phạm hóa, hình sự hóa hoặc phi hình sự hóa, cũng như việc phân loại tội phạm, v.v...

3.3. Như vậy, từ những phân tích trên đây, chúng tôi cho rằng, *định hướng tiếp tục hoàn thiện* PLHS Việt Nam *trong tương lai* (mà đặc biệt là của giai đoạn xây dựng NNQP đương đại) mặc dù đã trải qua lần pháp điển hóa thứ ba nhưng rõ ràng là vẫn phải tiếp tục nghiên cứu để khắc phục những khiếm khuyết nhất định (đã được phân tích trên các trang sách báo pháp lý hình sự của đất nước trong thời gian qua) cần dựa trên 05 cơ sở khoa học-thực tiễn dưới đây.

3.3.1. Một là, việc *tiếp tục hoàn thiện* PLHS Việt Nam *trong tương lai* cần được xác định theo hướng là: các SĐBS của nó phải đáp ứng được các đòi hỏi cấp bách của thực tiễn xã hội nói chung, cũng như thực tiễn phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, lập pháp và áp dụng PLHS nói riêng của nước ta.

3.3.2. Hai là, việc *tiếp tục hoàn thiện* PLHS Việt Nam *trong tương lai* cần được xác định theo hướng là: các SĐBS của nó phải dựa trên các cơ sở lý luận của khoa học luật hình sự được làm sáng tỏ một cách xác đáng, khách quan và đảm bảo sức thuyết phục với tư duy pháp lý mới, tiên bộ và dân chủ.

3.3.3. Ba là, việc *tiếp tục hoàn thiện* PLHS Việt Nam *trong tương lai* cần được xác định theo hướng là: các SĐBS của nó phải đảm bảo cho được sự phù hợp với các nguyên tắc và quy phạm được thừa nhận chung của pháp luật quốc tế trong lĩnh vực TPHS.

3.3.4. Bốn là, việc *tiếp tục hoàn thiện* PLHS Việt Nam *trong tương lai* cần được xác định theo hướng là: phải được tiến hành một cách đồng bộ với việc cải cách hệ thống TPHS, cũng như việc đổi mới pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật thi hành án hình sự trong sự phù hợp với các quy định của Hiến pháp mới năm 2013 của nước ta.

3.3.5. Và cuối cùng, *năm là*, việc *tiếp tục hoàn thiện* PLHS Việt Nam *trong tương lai* cần được xác định theo hướng là: các SĐBS của nó phải đảm bảo được sự kết hợp hài hòa các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc với những thành tựu tiên tiến của khoa học pháp lý trên thế giới.

4. Lịch sử khoa học về mô hình lập pháp của những kiến giải lập pháp cụ thể theo định hướng tiếp tục hoàn thiện Phần chung pháp luật hình sự Việt Nam trong tương lai

4.1. Trước hết, cần phải khẳng định rằng, MHLP của những KGLP cụ thể nhằm tiếp tục hoàn thiện các quy phạm Phần chung PLHS Việt Nam trong tương lai *không phải là mục đích tự thân* mà nó đã bắt đầu hình thành trong sự suy ngẫm và trăn trở của chúng tôi *ngay từ những năm 90 của thế kỷ trước*, rồi nó *phát triển dần dần theo thời gian* trong suốt hơn **25** năm qua (1990-2015), đặc biệt là qua 2 lần pháp điển hóa PLHS đất nước (vào năm 1999 và năm 2015). Chính trong suốt hơn **1/4** thập kỷ này, với mức trung bình hơn **01** công trình/năm và qua **36** công trình NCKH của mình (GS.TSKH Lê Văn Cẩm) đã được công bố trên các trang sách-báo pháp lý hình sự nước nhà chúng tôi đã suy ngẫm kỹ càng-cân nhắc trước sau rồi mới đưa ra các luận chứng để lý giải cho MHLP về *những KGLP cụ thể* của chúng tôi *liên quan đến hầu như tất cả các quy phạm Phần chung PLHS Việt Nam*. Để thấy rõ điều này, chúng tôi xin dẫn ra những minh chứng cụ thể về việc công bố các công trình khoa học mà ở các mức độ khác nhau có *đề cập riêng* đến MHLP về *những KGLP cụ thể* đối với các quy phạm Phần chung PLHS *theo thứ tự thời gian cụ thể* của từng công trình (từ **1** đến **36**) đã được công bố tương ứng với *ba* (03) giai đoạn nêu tại các điểm **2**, **3** và **4** dưới đây.

4.2. Trong 10 năm cuối cùng của thế kỷ XX (1990-1999) đã có **09** công trình NCKH của chúng tôi được công bố đề cập đến MHLP về *những KGLP cụ thể* đối với các quy phạm Phần chung PLHS Việt Nam là: 1) Hoàn thiện các quy

phạm về trách nhiệm hình sự - yếu tố cơ bản và quan trọng nhất trong việc bảo vệ con người bằng PLHS (Một số vấn đề lý luận & thực tiễn).-Tạp chí TAND, các số 2, 3 & 4/1990; 2) Luật hình sự Việt Nam và sự nghiệp xây dựng NN PQ: Một số vấn đề hoàn thiện các quy phạm của Phần chung.- Tạp chí TAND, các số 9 & 12/1996 (Về đạo luật hình sự), cũng như 3) các số 1, 8 & 9/1997 (Về tội phạm); 4) Vấn đề hoàn thiện các quy định về những trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi. - Tạp chí TAND, các số 3 & 4/1998; 5) Về hệ thống các điều khoản trong bốn chương đầu tiên của Dự thảo biên soạn mới Bộ luật hình sự (Phần chung).- Tạp chí TAND, các số 6 & 7/1998; 6) Sách chuyên khảo (SCK): Luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền: Những vấn đề hoàn thiện các quy định của Phần chung (Tập I). NXB "Sáng tạo" Hội khoa học-kỹ thuật Việt Nam tại Liên bang Nga. Maxcova, 1998.-150 tr. (In bằng tiếng Việt tại Liên bang Nga theo Quyết định của Trung tâm Việt Nam học-Viện nghiên cứu các nước Á-Phi thuộc Trường ĐHTHQG Maxcova mang tên M.V.Lômônôxốp có Tóm tắt bằng tiếng Nga & tiếng Anh); 7) Hoàn thiện chế định lỗi trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn - Tạp chí TAND, số 12/1998 & số 1/1999; 8) Những cơ sở khoa học-thực tiễn của việc hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. - Tạp chí Khoa học của ĐHQG Hà Nội (Phần khoa học xã hội), t.XV, số 2/1999; 9) SCK: Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NN PQ: Một số vấn đề cơ bản của Phần chung. NXB Công an nhân dân. Hà Nội, 1999. - 230 tr.

4.3. Trong 10 năm tiếp theo đầu thế kỷ XXI (2000-2009) đã có 19 công trình NCKH sau đây của chúng tôi được công bố đề cập đến MHL P về *những KGLP cụ thể* đối với các quy phạm Phần chung PLHS Việt Nam là: 10) SCK: Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự. (Tập I). NXB Công an nhân dân. Hà Nội, 2000.-150 tr; 11) SCK: Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự (Tập III). NXB Công an nhân dân. Hà

Nội, 2001. - 175 tr; 12) SCK: Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự (Tập IV). NXB Công an nhân dân. Hà Nội, 2002. - 254 tr.; 13) Bài "*Chế định miễn trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*" & đồng tác giả Bài "*Chế định thời hiệu trong luật hình sự Việt Nam*".- Trong sách: Nhà nước và pháp luật Việt Nam trước thềm thế kỷ XXI (Tập thể tác giả do TSKH Lê Cẩm chủ biên). NXB Công an nhân dân. Hà Nội, 2002, tr.221-239 và 306-318; 14) Chế định các nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam. - Tạp chí Luật học, số 3/2000; 15) Hình phạt & biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam. - Tạp chí Dân chủ và pháp luật (DC & PL), số 8/2000; 16) Về chế định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự trong PLHS Việt Nam hiện hành. - Tạp chí DC & PL, số 11/2000; 17) Chế định thời hiệu trong luật hình sự Việt Nam: Một số vấn đề lý luận cơ bản. - Tạp chí KHPL (của Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh), số 2/2001; 18) Chế định các tình tiết loại trừ tính chất tội phạm của hành vi: Về các tình tiết được điều chỉnh trong luật hình sự Việt Nam hiện hành. - Tạp chí TAND, số 4/2001; 19) Chế định các tình tiết loại trừ tính chất tội phạm của hành vi: Về một số tình tiết được chưa được ghi nhận trong PLHS Việt Nam hiện hành.-Tạp chí TAND, số 6/2001; 20) Chế định đa (nhiều) tội phạm & MHL L của nó trong luật hình sự Việt Nam. - Tạp chí DC & PL, số 6/2001; 21) Chế định đồng phạm và MHL L của nó trong luật hình sự Việt Nam. - Tạp chí DC & PL, số 8/2003; 22) Chế định án treo và MHL L của nó trong luật hình sự Việt Nam. - Tạp chí TAND, số 2-tháng 01/2005; 23) Chế định án tích và MHL L của nó trong luật hình sự Việt Nam. - Tạp chí Nhà nước và pháp luật (NN & PL), số 2/2005; 24) Chế định đặc xá, chế định đại xá và mô hình lý luận của chúng trong pháp luật hình sự Việt Nam. - Tạp chí TAND, số 5-tháng 3/2005; 25) SCK Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung). (Tóm tắt nội dung và mục lục bằng các tiếng Nga, Anh, Pháp và Nhật). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005. - 1016 tr; 26) Hình phạt và hệ thống hình phạt. - Tạp chí TAND. số 14-tháng 7/2007; BLHS Việt Nam năm 1999: 27) Những vấn đề cần hoàn

thiện các quy định của Phần chung. – Tạp chí DC & PL tháng 8/2008 (Số chuyên đề sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự năm 1999); 28) SCK: Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng NNQP (Tóm tắt nội dung và Mục lục bằng các tiếng Nga, Anh, Pháp, Nhật, Hàn Quốc và Trung quốc). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.– 536 tr.

4.4. Và cuối cùng, trong 06 năm tiếp theo nữa của thập kỷ thứ hai thuộc thế kỷ XXI này (2010-2015) đã có **08** công trình NCKH sau đây của chúng tôi được công bố đề cập đến MHLP về những KGLP cụ thể đối với các quy phạm Phần chung PLHS Việt Nam: 29) SCK: Một số vấn đề cấp bách của khoa học pháp lý Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.– 500 tr.; 30) MHLP về Bộ luật hình sự (Phần chung) sau pháp điển hóa lần thứ ba. – Tạp chí TAND, các số 22-tháng 11, số 23 & số 24-tháng 12/2013 (Bút danh: Lê Viết Phan Anh); 31) Hình phạt tử hình trong pháp luật hình sự Việt Nam: Giữ nguyên hay cần giảm và tiến tới loại bỏ (?). – Tạp chí Khoa học của ĐHQGHN (Chuyên san Luật học), số 3/2014; 32) Những KGLP cụ thể về chế định các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi trong Dự thảo II Phần chung Bộ luật hình sự (sửa đổi). – Tạp chí TAND, số 18-tháng 9/2014; 33) Những KGLP cụ thể về chế định đạo luật hình sự trong Chương I Dự thảo Phần chung BLHS (sửa đổi). – Tạp chí Kiểm sát, số 19-tháng 10/2014; 34) Những kiến giải lập pháp cụ thể về chế định tội phạm trong Chương II Dự thảo Phần chung BLHS (sửa đổi). – Tạp chí Kiểm sát, số 20-tháng 10/2014; 35) Những KGLP cụ thể về chế định TNHS (1), chế định hình phạt (2) và chế định các biện pháp tư pháp hình sự (3) trong Dự thảo II Phần chung BLHS (sửa đổi). – Tạp chí TAND, số 4-tháng 2/2015; **36**) Hoàn thiện chế định tội phạm trong Dự thảo Phần chung BLHS (Sửa đổi) theo định hướng tăng cường hơn nữa việc bảo vệ các quyền con người. – Tạp chí NN & PL, số 11/2015.

5. Vấn đề tiếp thu và lĩnh hội của nhà làm luật đối với những kiến giải lập pháp cụ thể trong các công trình khoa học

Trước hết cần phải khẳng định rằng, vấn đề này phụ thuộc rất nhiều vào *tư duy pháp lý* của các thành viên TBT BLHS (cầu thị, cởi mở, biết lắng nghe cái đúng, tiến bộ hay là bảo thủ, biết là ý kiến của mình phi khoa học nhưng vẫn cố chấp không chịu cầu thị lắng nghe ý kiến người khác, v.v... mà lịch sử các cuộc họp bàn về 3 BLHS 1985, 1999 và 2015 trong *ba* lần pháp điển hóa PLHS của nước nhà đã chứng minh rõ) chứ không thể là một sớm một chiều mà những KGLP cụ thể trong các nghiên cứu của các nhà khoa học-luật gia đối với các quy phạm trong *Phần chung* BLHS có thể được tiếp thu, lĩnh hội và ghi nhận trong PLHS thực định. Mặt khác, thực tiễn LPHS Việt Nam cho thấy, đây cũng còn là *vấn đề của thời gian nữa* vì thông thường những KGLP cụ thể đưa ra thì ít nhất thường là phải là sau một vài năm (thậm chí cả chục năm) mới được nhà làm luật tiếp thu và ghi nhận trong các BLHS tương ứng với từng giai đoạn phát triển của các quan hệ xã hội trong đất nước. Về vấn đề này ngay từ trước khi thông qua BLHS năm 1999 đã có rất nhiều bài viết của chúng tôi để minh chứng nhưng dưới đây chúng tôi chỉ xin được dẫn ra 02 minh chứng cụ thể:

5.1. Gần 20 năm trước đây trong quá trình soạn thảo BLHS năm 1999 thì KGLP cụ thể về quy phạm PLHS *mang tính nhân đạo* về việc những người đồng phạm khác không có liên quan gì đến hành vi thái quá của người thực hành đã được chúng tôi luận chứng và đề xuất trên các trang của Tạp chí TAND. Mặc dù lúc bấy giờ TS Trịnh Hồng Dương – nhà thực tiễn TPHS hàng đầu và là số 1 của đất nước, Phó Chánh án TANDTC kiêm Tổng biên tập Tạp chí TAND, đã rất tâm đắc về quy phạm này, nhưng rất tiếc là lúc bấy giờ *do tư duy pháp lý bảo thủ của một số quan chức "phòng giấy" phi thực tiễn* thuộc Bộ Tư pháp chủ trì Tổ biên tập (TBT) trong việc soạn thảo BLHS năm 1999 (chứ không phải là do TBT thuộc TANDTC đứng đầu là TS Trịnh Hồng Dương chủ trì như

thời kỳ soạn thảo BLHS năm 1985 khi tác giả bài viết này còn đang thuộc biên chế của TANDTC) nên tại thời điểm ấy KGLP cụ thể về quy phạm này đã nêu chưa được lĩnh hội. Khoản 4 Điều 18 BLHS năm 2015 là: "*Người đồng phạm khác không phải chịu TNHS về hành vi vượt quá của người thực hành*" [2]. Đây chính là sự *ghi nhận hầu như nguyên văn nội dung quy phạm nhân đạo* của chúng tôi đề xuất từ năm 1997 mà chỉ bỏ đi 01 từ "*Những*" (trước các từ "*người đồng phạm*") và thay 01 từ "*thái*" (trước từ "*quá*") trong KGLP của chúng tôi = từ "*vượt*" mà thôi (**Minh chứng:** Xem cụ thể hơn: **Lê Cẩm**. Luật hình sự Việt Nam và sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền: Một số vấn đề hoàn thiện các quy phạm của Phần chung. – Tạp chí TAND, số 9/1997, tr.8).

5.2. Điều 9 "*Phân loại loại tội phạm*" (mà trước đây là khoản 3 trong cùng Điều 8 "*Khái niệm tội phạm*" thuộc BLHS năm 1999) đã được tách riêng thành một điều độc lập khỏi Điều 8 "*Khái niệm tội phạm*" thuộc BLHS năm 2015, cũng như các điều về "*phòng vệ chính đáng*", "*tình thế cấp thiết*", v.v...(mà trước đây là nằm trong Chương III "*Tội phạm*" thuộc BLHS năm 1999) đã được tách riêng cùng với 3 trường hợp mới loại trừ TNHS mới bổ sung trong Chương IV độc lập "*Những trường hợp loại trừ TNHS*" thuộc BLHS năm 2015 chính là những KGLP phản ánh *nguyên tắc nhân đạo* mà chúng tôi đã liên tục đề xuất từ hơn 2 thập kỷ trước đây và kiên trì cho đến tận năm 2014 (**Minh chứng:** Xem cụ thể hơn: 1) **Lê Cẩm**. Hoàn thiện các quy phạm về trách nhiệm hình sự (Một số vấn đề lý luận & thực tiễn). – Tạp chí TAND,

các số 2, 3 & 4/1990; 2) **Lê Cẩm**. Luật hình sự Việt Nam và sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền: Một số vấn đề hoàn thiện các quy phạm của Phần chung. – Tạp chí TAND, các số 9 & 12/1996 (Về đạo luật hình sự); các số 1, 8 & 9/1997 (Về tội phạm); 3) **Lê Cẩm**. Vấn đề hoàn thiện các quy định về những trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi. – Tạp chí TAND, các số 3 & 4/1998;; 4) **Lê Cẩm**. Về hệ thống các điều khoản trong bốn chương đầu tiên của Dự thảo biên soạn mới Bộ luật hình sự (Phần chung). – Tạp chí TAND, các số 6 & 7/1998. 4) **Lê Cẩm**. Những cơ sở khoa học- thực tiễn của việc hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. – Tạp chí Khoa học của ĐHQG Hà Nội (Phân khoa học xã hội), t.XV, số 2/1999; 5) **Lê Cẩm**. Chế định các tình tiết loại trừ tính chất tội phạm của hành vi: Về một số tình tiết được chưa được ghi nhận trong PLHS Việt Nam hiện hành. –Tạp chí TAND, số 6/2001; 6) **Lê Văn Cẩm**. Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung). NXB ĐHQG Hà Nội - 2005, tr.510-517; 7) **Lê Văn Cẩm & Mạc Minh Quang**. Những kiến giải lập pháp cụ thể về chế định các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi trong Dự thảo II Phần chung Bộ luật hình sự (sửa đổi). – Tạp chí TAND, số 18-tháng 9/2014)./.

Tài liệu tham khảo

- [1] Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2016, tr.79.
- [2] Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015.

Thinking about the Orientation of Continuing to Perfect Vietnam's Criminal Law in the Future

Le Van Cam

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: The article discusses the content related to the orientation of continuing to perfect Vietnam's criminal law in the future, such as: The concept and the content of the orientation of continuing to perfect Vietnam's criminal law in the future; the principles and the scientific-practical basis of the orientation of continuing to perfect Vietnam's criminal law in the future; History of science on the legislative model of the concrete legislative interpretations under the orientation of continuing to perfect Vietnam's criminal law in the future; and the reception and apprehension of lawmakers about the specific legislative interpretations in the scientific works of the author.

Keywords: Penal Code 2015, to perfect the criminal law.